TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 41 /2021/DSST
Ngày 11/10/ 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hối.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Tiến Vụ.
2. Bà Nông Thị Hảo.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên toà : Ông Y Rin Niê Kđăm - Kiểm sát viên.

Ngày 11/10 /2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐST-DS ngày 08/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 24/9/2021. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị H - sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn 18A, xã E B, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(có mặt).

Bị đơn: Vợ chồng Ông Phạm Văn H - sinh năm 1979, **bà Nông Thị V A** - sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn T P, xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phan Thị H trình bày:

Ngày 01/3/2020 vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nông Thị V A vay của bà Phan Thị H số tiền 240.000.000 đồng(hai trăm bốn mươi triệu đồng), hạn vay 04 tháng lãi suất 1,5% / tháng. Nhưng đến hạn ông Phạm Văn H, bà Nông Thị V A không trả. Bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn H và bà Nông Thị V A phải trả số nợ gốc 240.000.000 đồng(hai trăm bốn mươi triệu đồng), nợ lãi tính đến ngày gửi đơn là 33.600.000 đồng (ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa bà Phan Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị buộc vợ chồng ông Phạm Văn H , bà Nông Thị V A phải trả số nợ gốc 240.000.000 đồng(hai trăm bốn mươi triệu đồng), nợ lãi tính từ ngày 01/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm

11/10/2021 là: 69.600.000 đồng(sáu mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) Tổng cộng cả gốc và lãi: 309.600.000 đồng(ba trăm lẻ chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Về chi phí tố tụng, bà Phan Thị H yêu cầu buộc vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nông Thị V A phải hoàn trả cho bà số tiền 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng) bà đã nộp tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ ký.

Đối với bị đơn:Vợ chồng ông Phạm Văn H bà Nông Thị V A

Ngày 18/5/2021Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã làm biên bản xác minh, nội dung: Vợ chồng ông Phạm Văn H và bà Nông Thị V A có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại Thôn T P, xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, nhưng ông bà đi làm thường xuyên vắng nhà.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp Tiếp cận, kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải tại nơi cư trú, Ủy ban nhân dân xã Ea Nuôl, và Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn không tiến hành hòa giải được, ngày 08/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 24/9/2021 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa đến và đã niêm yết quyết định hoãn phiên tòa theo quy định.

Vì vậy theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn vẫn đem vụ kiện ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bà Phan Thị H giữ nguyên yêu cầu, cụ thể: buộc ông Phạm Văn H và bà Nông Thị V A phải trả cho bà số tiền nợ gốc 240.000.000 đồng(hai trăm bốn mươi triệu đồng), nợ lãi tính từ ngày 01/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/10/2021 là: 69.600.000 đồng(sáu mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) Tổng cộng cả gốc và lãi: 309.600.000 đồng (ba trăm lẻ chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thư Ký Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, nhưng Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã làm các thủ tục cần thiết theo quy định, vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 186 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463,466,468, Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn .

Buộc vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nông Thị V A có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền nợ gốc cùng với khoản tiền lãi 1,5%/tháng tính từ ngày 01/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/10/2021 là 69.600.000 đồng(sáu mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng)., Tổng cộng cả gốc và lãi: 309.600.000 đồng(ba trăm lẻ chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn: bà Phan Thị H.

Về chi phí tố tụng, bị đơn phải chịu chi phí giám định chữ viết, chữ ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng ông Phạm Văn H , bà Nông Thị V A phải trả cho bà số tiền nợ gốc 240.000.000 đồng(hai trăm bốn mươi triệu đồng) và nợ lãi 1,5%/ tháng, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Thôn T P, xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Buôn Đôn.

Về sự có mặt của đương sự: Trong giấy vay nợ bị đơn vợ chồng ông Phạm Văn H , bà Nông Thị V A có địa chỉ tại Thôn T P, xã E N, huyện B, Đắk Lắk. Qua xác minh vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nông Thị V A có hộ khẩu tại địa chỉ trên có mặt ở địa phương nhưng cố tình không có mặt tại Tòa án.

Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thuộc trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện biết thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy TAND huyện Buôn Đôn đã tiến hành niêm yết đầy đủ: thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn vẫn đem vụ kiện ra xét xử khi vắng mặt bị đơn

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nông Thị V A thanh toán số nợ gốc 240.000.000 đồng(hai trăm bốn mươi triệu đồng). Bà Phan Thị H có cung cấp giấy vay nợ có chữ ký chữ viết của ông Phạm Văn H, bà Nông Thị V A. Ngày 11/8/2021, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành

trưng cầu giám định, theo kết luận giám định số 150/KLGĐ-PC09 ngày 25/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đắk Lắk thì chữ ký chữ viết dưới mục người vay là chữ ký chữ viết của ông Phạm Văn H, bà Nông Thị V A.

Nhận thấy rằng vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nông Thị V A quá hạn không thanh toán số tiền vay nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tài sản theo quy định tại các Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự.

Còn với số tiền vay đã quá hạn vay theo giấy vay nợ, theo thỏa thuận của các bên thì được tính lãi suất 1,5%/tháng. Tiền nợ lãi kể từ ngày 01/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/10/2021 là 69.600.000 đồng(sáu mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).Tổng cả gốc và lãi: 309.600.000 đồng(ba trăm lẻ chín triệu sáu trăm nghìn đồng). Mức lãi suất 1,5%/tháng tương đương lãi suất dưới 20%/năm là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Như vậy đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị H và buộc vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nông Thị V A phải thanh toán các khoản trên.

[4] *Về án phí và chi phí tố tụng:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST.

Bị đơn ông Phạm Văn H và bà Nông Thị V A phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 309.600.000 đồng x5%= 15.480.000 đồng (mười lăm triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Trả lại số tiền 6.840.000 đồng (sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) mà nguyên đơn bà Phan Thị H đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn theo biên lai số: 0002670 ngày 14/5/2021.

Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 161, 162 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Phạm Văn H và bà Nông Thị V A phải chịu chi phí giám định là 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng). Ông Phạm Văn H và bà Nông Thị V A phải hoàn trả cho bà Phan Thị H số tiền bà H đã nộp tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ ký là 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147,161,162,186, 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị H.

1.Buộc vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nông Thị V A có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phan Thị H các khoản:

+ Số nợ gốc là 240.000.000 đồng(hai trăm bốn mươi triệu đồng).

+Số nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/10/2021là 69.600.000 đồng(sáu mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tổng cả gốc và lãi: 309.600.000 đồng(ba trăm lẻ chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.Về án phí: Bị đơn vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nông Thị V A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 15.480.000 đồng (mười lăm triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Phan Thị H không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.Trả lại số tiền 6.840.000 đồng (sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) mà nguyên đơn bà Phan Thị H đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn theo biên lai số: 0002670 ngày 14/5/2021.

Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nông Thị V A phải chịu chi phí giám định là 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng). Ông Phạm Văn H, bà Nông Thị V A phải hoàn trả cho bà Phan Thị H số tiền bà H đã nộp tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ ký là 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Buôn Đôn;*
- *Các đương sự*
- *Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;*
- *Lưu: HS, VT.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trọng Hối